

Số: /TB-SNN

Bình Định, ngày tháng năm 2023

THÔNG BÁO

Về việc công khai Danh mục thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và dịch vụ công trực tuyến một phần thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện Quyết định số 3532/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 792 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần của tỉnh Bình Định; Quyết định số 3533/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 941 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình của tỉnh Bình Định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo:

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công khai 27 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình (*chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo*) và 69 thủ tục hành chính được cung cấp dịch vụ công trực tuyến một phần (*chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo*) trên Cổng Dịch vụ công tỉnh Bình Định (tại địa chỉ: <https://dichvucong.binhdinhh.gov.vn>) và Cổng Dịch vụ công quốc gia (tại địa chỉ: <https://dichvucong.gov.vn>).

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hoặc chưa rõ, đề nghị các tổ chức, cá nhân liên hệ với bà Trần Ngân Trúc - Nhân viên Bưu điện tỉnh thực hiện việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Điện thoại: 0937321432), làm việc tại Quầy số 15 - Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh - Số 127 Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn để được giải thích, hướng dẫn chi tiết.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo để quý cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan biết, phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Báo Bình Định, Đài PT-TH Bình Định;
- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Website của Sở;
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Trần Văn Phúc

Phụ lục I
DANH MỤC 27 DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SNN ngày / /2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	MÃ SỐ
1	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	1.008410
2	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	1.008409
3	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	1.008408
4	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	1.003371
5	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý)	1.004684
6	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	1.004344
7	Công nhận nghề truyền thống	1.003712
8	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	1.003397
9	Công nhận làng nghề	1.003695
10	Công nhận làng nghề truyền thống	1.003727
11	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	1.005411
12	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	1.007933
13	Cấp Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	1.004509
14	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh)	1.004493
15	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	1.004022

STT	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	MÃ SỐ
16	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành	1.009478
17	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	1.003388
18	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	1.003618
19	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	2.001838
20	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003203
21	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003211
22	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003221
23	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003232
24	Hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	1.004056
25	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	1.004692
26	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	1.004913
27	Phê duyệt phương án, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý	2.001804

Phụ lục II
DANH MỤC 69 DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

(Kèm theo Thông báo số: /TB-SNN ngày / /2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

STT	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	MÃ SỐ
1	Phê duyệt, điều chỉnh, thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	1.007918
2	Phê duyệt dự toán, thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	1.007916
3	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y (cấp tỉnh)	2.002132
4	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	1.000058
5	Cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	1.003563
6	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	1.003590
7	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003893
8	Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	1.003984
9	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	1.007932
10	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	1.009794
11	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	2.001823
12	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	2.001827
13	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh	1.000071

STT	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	MÃ SỐ
14	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003880
15	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003921
16	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.004385
17	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	1.004815
18	Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	1.007917
19	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vỏ	2.001241
20	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001791
21	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh	2.001793
22	Phân loại doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu gỗ	3.000160
23	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1.001686
24	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	1.004346
25	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	1.004359
26	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	1.004363
27	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	1.004915
28	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	1.007931
29	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng.	1.008126

STT	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	MÃ SỐ
30	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	1.008127
31	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	1.008128
32	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	1.008129
33	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	1.003593
34	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.003870
35	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.011470
36	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	1.011475
37	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	1.011477
38	Cấp Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	1.011478
39	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh)	1.011479
40	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	1.003188
41	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	1.003486
42	Kiểm tra chất lượng muối nhập khẩu	1.003524
43	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	1.003586
44	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	1.003634
45	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	1.003650
46	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	1.003666
47	Xóa đăng ký tàu cá	1.003681
48	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	1.003867

STT	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	MÃ SỐ
49	Cấp Giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	1.004427
50	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	1.004656
51	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	1.004680
52	Công bố mở cảng cá loại 2	1.004694
53	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	1.004697
54	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	1.004839
55	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	1.004918
56	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	1.004921
57	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	1.004923
58	Cấp Quyết định, phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm nhân giống bằng phương pháp vô tính	1.008003
59	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	2.001064
60	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001426
61	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001795

STT	TÊN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN	MÃ SỐ
62	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	2.001796
63	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	3.000198
64	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng cao	1.011647
65	Cho ý kiến về kết quả đánh giá an toàn công trình đối với công trình xây dựng nằm trên địa bàn tỉnh.	1.009788
66	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	1.009791
67	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:	1.009972
68	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (cấp tỉnh)	1.009973
69	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	2.002169